

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi nhiều ngân hàng công bố kết quả kinh doanh khả quan

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

NTL, DXG

## [Cập nhật công ty]

TCB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục kê mua trở lại các vị thế ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ gần của các mã mục tiêu.

26/01/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,481.58	+0.14
VN30	1,525.31	+0.60
HĐTL VN30F1M	1,519.00	+1.00
HNXIndex	411.82	+0.39
HNX30	731.76	-0.02
UPCoM	109.05	+0.94
USD/VND	22,649	-0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.62	+50
Dầu (WTI, \$)	85.85	+0.29
Vàng (LME, \$)	1,844.62	-0.18



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,481.58 (+0.14%)  
**KLGD (triệu CP)** 813.2 (+20.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,037.7 (+5.9%)

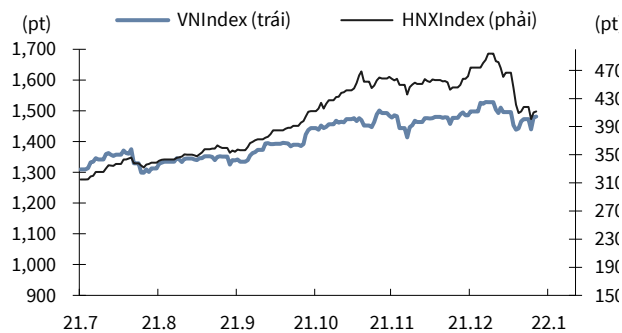
**HNXIndex** 411.82 (+0.39%)  
**KLGD (triệu CP)** 60.2 (-20.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 69.5 (-15.9%)

**UPCoM** 109.05 (+0.94%)  
**KLGD (triệu CP)** 53.1 (+3.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 47.1 (+11.3%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +16.2

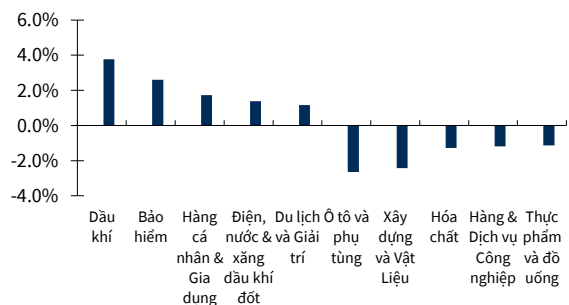
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi nhiều ngân hàng công bố kết quả kinh doanh khả quan. Theo đó, cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở ACB (+1.7%), TCB (+1%). Hội Môi giới Bất động sản Việt Nam (VARIS) cho biết, trong quý IV/2021 một số tỉnh phía Bắc có tốc độ giao dịch tốt và dự báo giá đất trong thời gian tới vẫn sẽ có xu hướng tăng trong 6 tháng đầu năm 2022 giúp cổ phiếu bất động sản tăng giá ở VHM (+0.2%), NLG (+0.2%). Cổ phiếu nhóm nông nghiệp tăng giá AGM (+1.9%), TAR (+1.5%) trước thông tin giá gạo Việt trên thị trường quốc tế đang được giao dịch ở mức ổn định và có xu hướng tăng cao. Khối ngoại mua ròng ở CTG (+1.8%), KBC (-1.3%), LPB (+7%).

## VNIndex & HNXIndex



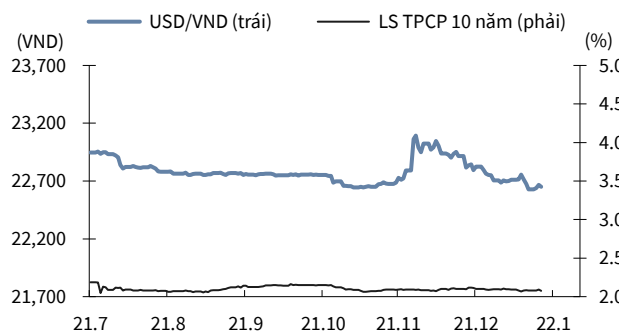
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

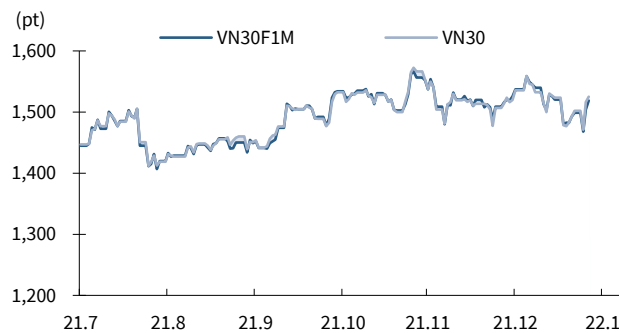
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,525.31 (+0.60%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,519.0 (+1.00%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,510.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,525.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,509.0</b>

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2201 và chỉ số VN30 chủ yếu biến động với biên độ âm và xuống mức thấp nhất - 12.9 điểm trong phiên giao dịch hôm nay cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước khả năng tăng điểm của thị trường, đóng cửa ở mức -6.31 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

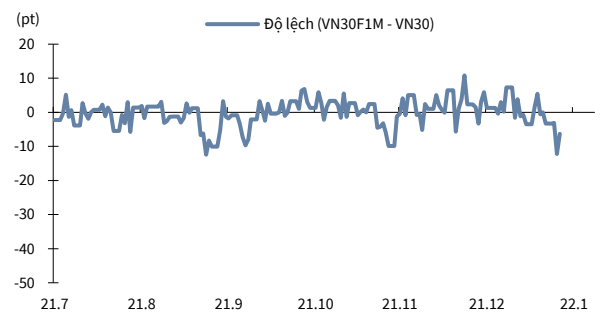
**KLGD (HĐ)**            **155 (-99.9%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



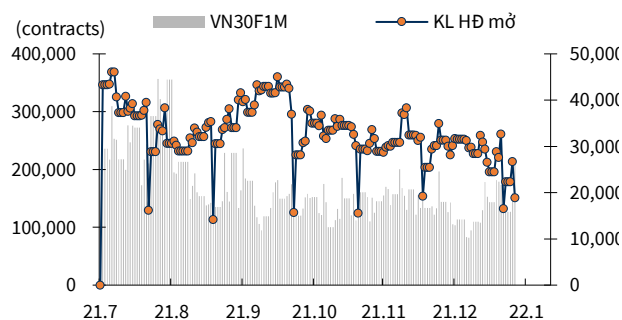
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



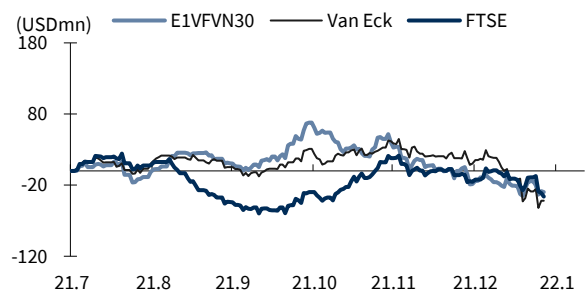
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

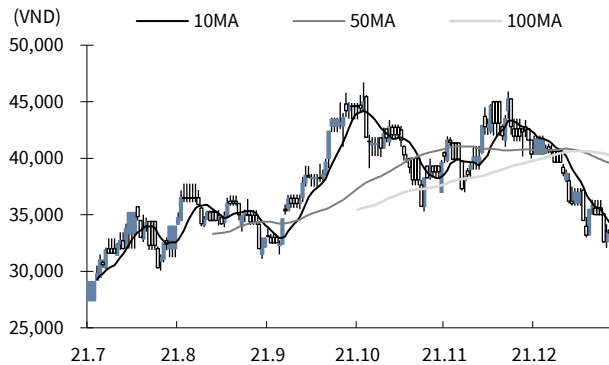
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

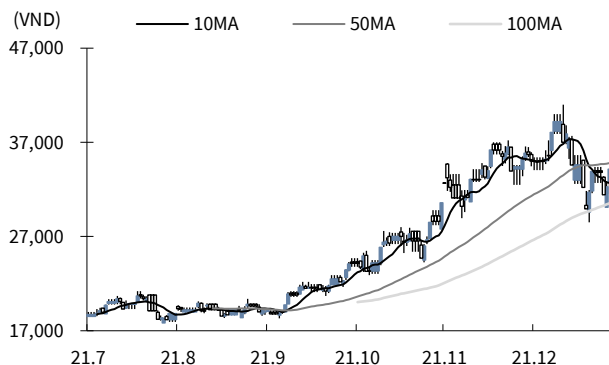
## Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (NTL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NTL không thay đổi ở 33,400 VND/cp
- Công ty Phát triển Đô thị Từ Liêm công bố lợi nhuận quý 4/2021 đạt 100 tỷ đồng (-36.5% YoY) và doanh thu đạt 260 tỷ đồng, m (-23% YoY) do dịch bệnh kéo dài khiến hiệu quả kinh doanh bị ảnh hưởng. Trong quý, công ty chỉ ghi nhận doanh thu một số căn biệt thự khách hàng đã nộp đủ tiền và nhận bàn giao nhà tại dự án ĐTM Bắc Quốc lộ 32, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội. Lũy kế cả năm, lợi nhuận giảm 19% xuống 239 tỷ đồng và doanh thu giảm 12% xuống 577 tỷ đồng.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG tăng 5.7% lên 34,150 VND/cp
- Tập đoàn Đất Xanh thông qua việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư DHG để triển khai dự án tại tỉnh Hậu Giang với vốn góp 297.5 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 85%. Khu đô thị mới Mái Dầm có quy mô khoảng 96.79 ha, có tổng mức đầu tư 4,000 tỷ đồng, dự kiến dự án sẽ cung cấp cho thị trường 2,495 căn nhà.

# Techcombank

## Kết quả kinh doanh tích cực

### TCB ghi nhận KQKD năm 2021 ấn tượng

- Trong năm 2021, TCB ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 37,076 tỷ VND (+37.1% YoY) và 23,238 tỷ VND (+47.1% YoY).
- Tỷ lệ ROA tăng lên 3.7% từ 3.1% của năm 2020, phản ánh sự phân bổ tài sản hiệu quả của TCB.

### Tỷ lệ NIM tăng nhờ tối ưu hóa chi phí vốn

- NIM của TCB tiếp tục xu hướng tăng, đạt mức 5.6% trong Q4/2021 từ mức 4.9% cùng kì năm ngoái. Đóng góp chính đến từ việc cải thiện chi phí vốn nhờ (1) điều kiện thanh khoản thuận lợi và (2) nỗ lực đa dạng hóa nguồn huy động, đặc biệt là huy động từ quốc tế với chi phí vốn rẻ hơn (TCB đã thực hiện khoản vay vốn nước ngoài 5 năm trị giá 800 triệu USD); và (3) CASA tăng trưởng mạnh mẽ. Tỷ lệ CASA đã tăng lên mức cao nhất trong lịch sử, đạt 50.5% từ mức 46.1% của năm 2020 nhờ đóng góp mạnh mẽ của mảng CASA bán lẻ.

### NFI tăng tốt ở tất cả các mảng

- NFI của TCB ghi nhận mức tăng tương đương với NII, đạt mức 42% YoY với đóng góp quan trọng của phí IB (+33% YoY). Ngoài ra, hoạt động bảo hiểm được đẩy mạnh với phí bảo hiểm tăng +88% YoY.

### Chất lượng tài sản tích cực trong điều kiện thách thức bởi dịch bệnh Covid-19

- Tỷ lệ NPL chỉ nhích nhẹ lên mức 0.7% từ mức 0.5% của năm 2020 và ở mức thấp so với toàn ngành. Mức tăng đến chủ yếu từ nhóm SME, tăng lên mức 0.7% trong Q3 và Q4 do những hoạt động dẫn cách xã hội. LLCR giảm xuống mức 163% trong Q4 từ 184% của Q3.
- Dự nợ tái cấu trúc giảm mạnh xuống mức 1.9 nghìn tỷ VND, tương đương 0.5% tổng dự nợ cho vay và đã được trích lập hoàn toàn.

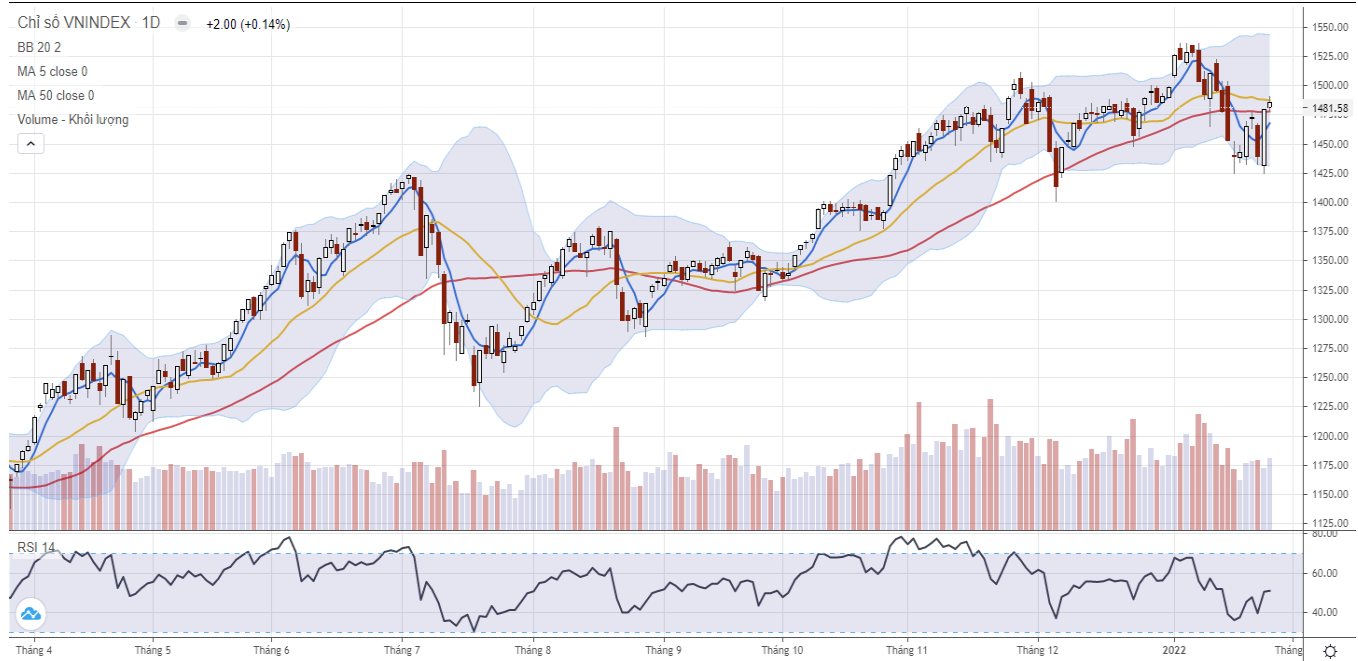
### Kế hoạch từ ban lãnh đạo

- Ban lãnh đạo cho rằng các điều kiện vĩ mô và chính sách tiền tệ diễn biến thuận lợi trong năm nay giúp tăng trưởng tín dụng 2022 được kì vọng tích cực.
- Ban lãnh đạo cho rằng áp lực lên NIM sẽ lớn hơn trong năm 2022 đến từ kì vọng về cạnh tranh lãi suất cho vay giữa các ngân hàng để đạt đủ hạn mức tín dụng từ SBV, qua đó cũng kéo theo lãi suất huy động tăng.
- Với tỷ lệ CAR ở mức cao - 15%, ban lãnh đạo không mặn mà với vấn đề room ngoại tại thời điểm hiện tại.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận một phiên tăng điểm nhưng với diễn biến giằng co và xung lực có phần suy yếu về cuối phiên.
- Vùng cản gần đang gây cản trở cho đà hồi phục của chỉ số với sự hình thành của mẫu nến "spinning". Mặc dù tín hiệu này cho thấy rủi ro trải qua diễn biến rung lắc trong phiên kế tiếp nhưng chúng tôi nghiêng về khả năng chỉ số sẽ tiếp tục hướng lên vùng cản 150x trước khi chịu áp lực điều chỉnh rõ nét hơn. Vùng hỗ trợ gần quanh 1460 (+5) được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần cho chỉ số trong chiều hướng điều chỉnh.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục kê mua trở lại các vị thế ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ gần của các mã mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1539 – 1544

**Kháng cự gần:** 1529 – 1533

**Hỗ trợ gần:** 1501 – 1505

**Hỗ trợ xa:** 1487 – 1492

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 tăng điểm tích cực trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả về cuối phiên.
- Sau 2 phiên hồi phục tích cực, chỉ số nhiều khả năng sẽ đối mặt với các nhịp rung lắc mạnh hơn trong các phiên tới với vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại 149x. Mặc dù vậy, với xu hướng hồi phục đóng vai trò chủ đạo, rủi ro điều chỉnh mạnh chỉ trở nên hiện hữu sau khi F1 thử thách vùng cản 154x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự xa hoặc mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

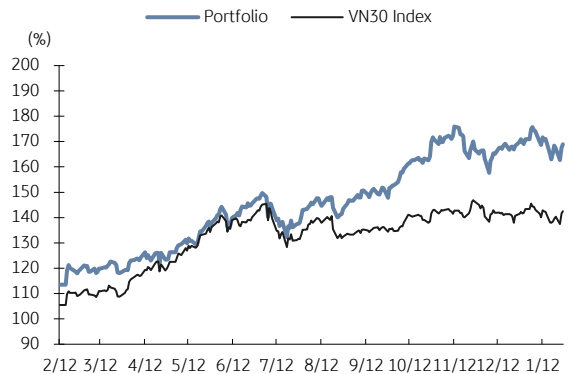
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.60%	0.74%
Tăng lũy kế (YTD)	42.45%	68.88%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/01/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	131,900	0.7%	69.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	51,000	-1.9%	135.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	101,000	4.1%	26.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	213,100	0.8%	10.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	64,900	0.9%	89.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,000	-0.6%	197.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	37,650	1.8%	95.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,200	2.5%	49.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	43,450	0.5%	198.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	54,600	-1.3%	303.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	1.8%	25.7%	211.3
KBC	-1.3%	17.2%	134.7
LPB	7.0%	4.1%	118.6
VHM	0.3%	23.7%	95.6
DXG	5.7%	28.8%	67.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-3.9%	28.8%	-201.3
PLX	4.8%	17.2%	-85.9
NVL	0.5%	7.3%	-45.2
PNJ	4.1%	47.4%	-102.3
E1VFN30	1.3%	96.4%	-61.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.7%	8.6%	5.5
PVI	2.8%	57.6%	5.1
APS	-2.6%	0.7%	0.9
LAS	-1.4%	0.1%	0.8
PPS	-3.9%	25.6%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	9.3%	0.1%	-0.3
INN	9.8%	4.9%	-0.3
CDN	-4.8%	20.4%	-0.2
SHS	-1.0%	8.1%	-0.2
KLF	1.9%	1.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	8.7%	VCB, BID
Dầu khí	4.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.5%	GAS, POW
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.5%	PNJ, RAL
Bất động sản	1.6%	VHM, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-4.1%	SSI, HCM
Hóa chất	-2.9%	GVR, DCM
Xây dựng và Vật Liệu	-2.9%	VCG, CII
Thực phẩm và đồ uống	-2.5%	VNM, SAB
Y tế	-2.0%	DHG, TNH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	14.5%	VCB, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.5%	GAS, GEG
Dầu khí	8.3%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-0.2%	HVN, SCS
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.3%	PNJ, DQC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-18.6%	GVR, DCM
Ô tô và phụ tùng	-16.0%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-15.4%	VND, SSI
Xây dựng và Vật Liệu	-10.6%	VCG, ROS
Công nghệ thông tin	-10.4%	FPT, SGT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDm)	GTGD (VNĐ tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	246,420 (10.8)	22.5	179.7	70.1	14.7	4.2	5.7	4.0	3.8	0.4	0.6	-0.1	1.4	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	516,694 (22.7)	26.6	9.9	8.9	35.9	31.5	27.4	2.9	2.2	0.2	4.6	-2.1	-1.0	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	308,062 (13.6)	17.8	45.1	26.6	-7.6	5.6	8.8	2.5	2.4	2.3	2.0	8.5	12.6	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	201,172 (8.9)	31.3	37.1	27.0	6.7	13.8	13.9	5.0	4.4	0.5	-0.8	10.7	-	-12.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	130,039 (5.7)	11.6	30.0	21.7	18.0	12.9	15.6	3.3	3.1	1.0	-2.9	-1.2	-1.2	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	356,007 (15.7)	13.9	15.9	12.8	-	16.5	16.4	2.3	1.9	5.7	7.7	-0.7	-2.4	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	134,265 (5.9)	6.3	22.7	18.6	11.7	20.3	20.5	4.0	3.1	-1.4	8.9	20.4	19.9	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	176,182 (7.8)	12.7	28.9	19.8	-5.3	13.1	15.1	2.9	2.6	-1.8	10.2	37.4	29.6	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	469,669 (20.7)	0.0	9.0	7.6	14.3	19.9	19.7	1.6	1.4	1.0	7.3	7.2	4.8	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	494,251 (21.8)	1.4	14.0	10.0	61.1	15.7	18.9	1.9	1.6	1.8	11.4	14.4	11.1	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	381,272 (16.8)	0.0	12.6	10.7	18.8	17.7	16.0	1.9	1.6	2.9	7.2	4.8	0.3	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	489,026 (21.5)	0.0	10.5	8.8	14.6	21.8	22.2	2.0	1.7	2.1	12.5	18.3	15.2	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	172,009 (7.6)	4.2	10.5	9.1	23.3	21.4	20.4	2.1	1.7	2.2	6.0	7.0	-0.5	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,106,521 (48.7)	14.0	22.4	16.2	26.5	10.1	11.9	2.0	1.8	2.4	8.1	26.1	12.9	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	323,325 (14.2)	0.0	10.2	7.9	37.5	21.7	22.0	2.0	2.4	-1.4	-0.3	-0.1	-4.5	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	35,446 (1.6)	0.2	38.0	76.8	27.3	6.6	3.1	2.4	2.4	1.0	9.0	13.0	4.6		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,353 (1.7)	21.0	21.3	17.9	15.8	9.1	10.1	1.8	1.7	2.7	2.1	-5.4	-5.4	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	23,644 (1.0)	14.2	17.9	15.4	9.1	10.9	12.6	1.7	1.6	4.9	-8.6	19.9	-18.2	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	642,554 (28.3)	55.4	18.6	20.3	-3.2	17.7	13.7	-	-	-0.8	-6.1	13.5	-18.1	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	182,153 (8.0)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	-0.2	-5.4	24.1	-25.3	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	138,307 (6.1)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	-3.0	10.3	20.5	-23.1	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	485,833 (21.4)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	0.3	-5.7	21.3	-23.3	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	168,245 (7.4)	42.1	16.6	15.7	4.0	33.0	33.6	5.0	4.8	0.6	-4.4	-7.3	-7.8	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,418 (1.1)	36.9	27.6	22.6	7.3	17.4	19.2	4.2	3.7	-0.9	-4.2	-2.2	-4.8	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	375,333 (16.5)	16.5	31.6	28.0	-51.9	29.1	22.4	7.9	6.2	-3.9	-0.3	14.0	-14.0	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	259,390 (11.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.3	-6.4	24.3	-22.4	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	88,209 (3.9)	11.0	-	52.7	-88.5	1.0	10.1	-	-	-0.2	-4.1	-2.3	-5.6	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	61,188 (2.7)	10.8	25.7	17.9	-57.0	8.6	12.2	2.1	2.1	-2.3	1.2	-8.2	-11.2	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	467,635 (20.6)	38.4	119.2	15.9	65.7	1.3	8.2	1.4	1.3	-6.9	19.8	24.4	-36.4	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	380,747 (16.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	19.7	41.1	-46.3	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	937,053 (41.2)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	-3.3	-5.7	-5.1	-13.9	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	89,893 (4.0)	3.6	53.0	17.9	-52.4	1.9	5.3	1.0	0.9	-1.2	9.7	12.4	-0.7	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	34,714 (1.5)	0.0	11.8	9.4	-4.5	11.9	13.2	1.4	1.3	0.9	0.5	-9.6	-6.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	107,782 (4.7)	46.1	18.2	16.2	-17.5	22.3	23.6	3.9	3.6	2.5	4.9	17.2	16.6	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	35,662 (1.6)	31.4	9.2	10.4	-10.5	15.3	15.4	1.7	1.5	-2.2	1.4	-	14.2	-14.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,030 (0.3)	34.1	12.2	9.3	-5.1	11.6	14.9	1.4	1.4	-1.3	0.5	-	11.2	-7.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	751,207 (33.1)	18.0	5.3	6.2	21.9	45.3	29.6	2.0	1.5	0.5	-0.1	-5.6	-6.4	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	215,191 (9.5)	36.5	7.6	9.5	-0.5	24.7	17.4	1.6	1.5	-1.4	-5.1	-	25.5	-18.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	161,312 (7.1)	46.5	12.2	10.2	-4.5	18.5	19.9	2.0	1.8	-1.9	11.1	30.2	-	-28.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	206,087 (9.1)	38.9	5.0	5.6	67.9	25.0	19.2	1.1	0.9	0.3	-6.4	-	13.4	-17.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	157,317 (6.9)	97.2	20.7	18.1	17.2	-	-	1.1	1.1	-2.6	-6.0	-	22.5	-18.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	74,933 (3.3)	4.6	26.3	18.2	-51.0	14.7	16.3	3.2	3.1	4.8	5.4	7.5	5.8	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	275,815 (12.1)	39.9	195.7	27.6	-11.9	0.5	4.2	1.0	0.9	-1.2	-0.9	12.5	9.6	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	66,494 (2.9)	35.9	10.3	8.3	1.2	14.3	16.7	1.4	1.2	-0.5	0.5	-	10.1	-11.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	115,832 (5.1)	0.0	20.3	14.9	13.7	26.0	28.4	4.7	3.9	0.7	-1.2	-2.0	-2.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	48,685 (2.1)	0.0	16.9	13.5	2.4	22.9	23.4	3.4	2.8	4.1	7.9	6.7	5.0	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	13,727 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	-1.1	-	18.7	-29.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	120,493 (5.3)	30.3	24.3	20.4	-75.2	19.8	19.9	4.9	4.5	0.0	-2.4	-	14.3	-19.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	56,201 (2.5)	34.6	11.5	12.9	41.2	30.4	23.9	2.8	2.6	-1.6	-1.1	6.3	9.7	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,286 (0.2)	45.4	15.6	15.0	10.7	21.1	20.2	3.0	2.8	0.0	-4.6	-	16.6	-12.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	117,747 (5.2)	0.0	15.0	13.3	15.5	25.3	27.5	3.6	3.4	-0.6	-2.6	-8.3	-7.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.